

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2023

V/v: Ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sin năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Hoàng Văn B kết hôn với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới anh chị về sinh sống tại xã Ph, huyện N. Vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau trong nhiều lĩnh vực. Cuộc sống căng thẳng và ngột ngạt. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn

không cải thiện được. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn đỉnh điểm, kể từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân và gia đình không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thực sự sâu sắc không còn khả năng hàn gắn, chị Hyêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Hoàng Văn B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là các cháu Hoàng Văn Trsinh năm 1998, Hoàng Quỳnh Trsinh năm 2001. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Hoàng Văn B thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2023: Anh B xác định lời khai của chị H về thời điểm kết hôn và về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình về tình cảm, con chung là đúng sự thật. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị H xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị H có 02 con chung là các cháu Hoàng Văn Trsinh năm 1998, Hoàng Quỳnh Trsinh năm 2001. Hiện các cháu đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Hoàng Văn B.

2. *Về án phí ly hôn:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của Huyền và anh B thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai

bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh B cũng đồng ý ly hôn với chị H vì xác định không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh B là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Các bên xác định không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Hoàng Văn B.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003882 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH